## 1.4 NGHE – NHẮC LẠI VÀ CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG ( CHÚ Ý VẬN MẪU)

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 ā | ō | 2 fū | fō | 3 kā | kē | 4 hū | hā | 5 tè | tì |
| 6 huán | hún | 7 máo | móu | 8 gù | gòu | 9 kǎi | kǎn | 10 lù | lǜ |
| 11 nàn | nèn | 12 dōu | duō | 13 wài | wèi | 14 péi | pén | 15 huá | huái |
| 16 fán | fén | 17 gě | gěi | 18 kuà | kuò | 19 pài | pèi | 20 hēi | huī |

LIVEWORKSHEETS